TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2023
V/v: "ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Nguyễn Thị Mai Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tài;

2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về *"ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1989. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện X, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: anh Nguyễn Phước L, sinh năm 1991. *Vắng mặt*

Địa chỉ: thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2023, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Nguyễn Phước L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 22/02/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Anh L thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L.

Về con chung: có 01 con chung tên là Nguyễn Phước H, sinh ngày 28/9/2018. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H đến tuổi thành niên. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Đối với bị đơn - anh Nguyễn Phước L: từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L, nhưng anh L vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Phước L có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn với anh L và được trực tiếp nuôi con nên quan hệ pháp luật được xác định là *"ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn - anh Nguyễn Phước L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng

xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Phước L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 22/02/2019 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H, sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con. Ngày 03/02/2023, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại Ủy ban nhân dân xã Quế Thuận, tuy nhiên chính quyền địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn trong hôn nhân của chị H và anh L. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: chị H và anh L có 01 con chung tên là Nguyễn Phước H, sinh ngày 28/9/2018. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của chị H, thể hiện sự không quan tâm đến gia đình, con cái. Hơn nữa, chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, cần giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: chị Trần Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H đối với anh Nguyễn Phước L về việc *"ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Phước L.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Phước H, sinh ngày 28/9/2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị Trần Thị H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị H đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004921 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Thuận, huyện Quế Sơn (Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 22/02/2019);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Loan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**